

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 10



SÔNG ĐÀ 10



TÀI LIỆU
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Hà Nội, tháng 6 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 10
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2024



DANH MỤC TÀI LIỆU

	Tên tài liệu
1	Chương trình Đại hội.
2	Quy chế tổ chức, hoạt động ĐHĐCĐ thường niên 2024
3	Tờ trình kế hoạch SXKD năm 2024
4	Tờ trình phê duyệt BCTC 2023 đã kiểm toán (công ty mẹ và hợp nhất).
5	Báo cáo của Hội đồng quản trị
6	Báo cáo của Ban kiểm soát
7	Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận 2023;
8	Tờ trình quyết toán thù lao của HĐQT và BKS năm 2023 và kế hoạch thù lao 2024
9	Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2024
10	Dự thảo Nghị quyết đại hội
11	Mẫu giấy ủy quyền/Xác nhận tham dự
12	Thẻ biểu quyết
13	Phiếu biểu quyết



CHƯƠNG TRÌNH
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

1. Thời gian: 8h00, thứ ba, ngày 25/06/2024.

2. Địa điểm: tầng 11, khu B, tòa nhà Tổng công ty Sông Đà, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

3. Chương trình Đại hội

TT	Nội dung	Thời gian	Thực hiện
I	Kiểm tra công tác thực hiện đăng ký quyền tham dự Đại hội.	8h00 -:- 8h30'	Ban tổ chức
II	1. Tuyên bố lí do. 2. Mời đoàn chủ tịch là các Thành viên HĐQT đương nhiệm lên điều hành Đại hội.	8h30'	Ban tổ chức
III	Các nội dung trình Đại hội		
1	Thông qua nội dung, chương trình Đại hội.	8h30' - 8h35'	Đoàn Chủ tịch
2	Thông qua Quy chế làm việc.	8h35' - 8h45'	Đoàn Chủ tịch
3	Chỉ định Ban thư kí; Ban thẩm tra tư cách cổ đông; bầu Ban kiểm phiếu.	8h45' - 8h50'	Đoàn Chủ tịch
4	Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông.	8h50' - 9h00'	Ban thẩm tra tư cách cổ đông
5	Trình bày, thuyết minh các tờ trình, báo cáo:	9h00' - 10h00'	Đoàn Chủ tịch
5.1	Kế hoạch SXKD năm 2024;		
5.2	Báo cáo tài chính 2023 đã kiểm toán;		
5.3	Báo cáo của Hội đồng quản trị;		
5.4	Báo cáo của Ban kiểm soát;		
5.5	Dự kiến phân phối lợi nhuận 2023;		
5.6	Thù lao HĐQT, BKS;		
5.7	Lựa chọn đơn vị kiểm toán.		
6	Đại hội thảo luận, bầu và biểu quyết các vấn đề đã nêu.	10h00' - 10h30'	Đoàn Chủ tịch
7	Nghỉ giải lao.	10h30' - 11h00'	Đoàn Chủ tịch
8	Thông qua kết quả kiểm phiếu.	11h00' - 11h15'	Ban kiểm phiếu
9	Thông qua Biên bản họp và dự thảo Nghị quyết của Đại hội.	11h15' - 11h30'	Đoàn Chủ tịch và Thư ký
IV	Bế mạc Đại hội.	11h 30ph	Đoàn Chủ tịch

Hà Nội, ngày 03 tháng 6 năm 2024

QUY CHẾ
TỔ CHỨC - HOẠT ĐỘNG ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Căn cứ:

Căn cứ vào Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty CP Sông Đà 10;

Căn cứ vào Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty CP Sông Đà 10;

Căn cứ vào Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 10.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, Công ty Cổ phần Sông Đà 10 được tổ chức và thực hiện theo các nội dung dưới đây.

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Phạm vi áp dụng

1.1 Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 (gọi tắt là “Đại hội”) của Công ty cổ phần Sông Đà 10.

1.2 Quy chế này quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của cổ đông và các bên tham dự họp Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

Điều 2: Đối tượng áp dụng

Cổ đông, người được cổ đông ủy quyền dự Đại hội và các bên tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

CHƯƠNG II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG, NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN VÀ CÁC BÊN THAM DỰ ĐẠI HỘI

Điều 3: Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông hoặc người được ủy quyền

3.1. Điều kiện tham dự Đại hội

Là cổ đông hoặc là người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có tên trong danh sách cổ đông của Công ty do Trung tâm lưu ký chứng khoán cấp tại ngày chốt Danh sách cổ đông tham dự Đại hội.

3.2. Quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội

- Được tham dự hoặc ủy quyền tham dự Đại hội bằng văn bản theo mẫu.
- Được thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan;
- Được BTC thông báo nội dung, chương trình Đại hội và các tài liệu kèm theo;

d. Mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp khi tới tham dự Đại hội được nhận Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và các tài liệu khác sau khi đăng ký tham dự Đại hội với Ban thẩm tra tư cách cổ đông;

e. Cổ đông, người được ủy quyền đến dự họp muộn khi Đại hội chưa kết thúc có quyền đăng ký và tham gia biểu quyết ngay tại Đại hội ngay sau khi đăng ký đối với các vấn đề chưa biểu quyết, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để họ đăng ký và hiệu lực của của đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

3.3. Nghĩa vụ của cổ đông khi tham dự Đại hội

a. Cổ đông hoặc người được ủy quyền khi đến tham dự Đại hội phải mang theo các Giấy tờ sau:

- Đối với cổ đông cá nhân: Giấy mời họp, CMND/CCCD/Hộ chiếu (bản gốc) còn thời hạn sử dụng, Giấy ủy quyền (theo mẫu) nếu là người được ủy quyền;

- Đối với cổ đông tổ chức: Giấy mời họp, Bản sao Giấy chứng nhận ĐKDN (có chứng thực hợp lệ), CMND/CCCD/Hộ chiếu (bản gốc) của người đại diện theo pháp luật.

Trường hợp người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội, người được ủy quyền cần mang theo: CMND/CCCD/ Hộ chiếu (bản gốc) còn thời hạn sử dụng của người được ủy quyền; Bản sao Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (có chứng thực hợp lệ); Giấy ủy quyền (theo mẫu).

b. Trong thời gian diễn ra Đại hội, các cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Đoàn Chủ tịch, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự, không hút thuốc lá trong phòng Đại hội; không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội. Điện thoại di động phải tắt hoặc không được để chuông;

c. Không được ghi âm, ghi hình và truyền thông tin về nội dung cuộc họp ra bên ngoài trước khi có kết luận chính thức của Đại hội;

d. Phát biểu và biểu quyết phù hợp với hướng dẫn của Ban tổ chức Đại hội và tôn trọng sự điều khiển Đại hội của Đoàn chủ tịch;

e. Nghiêm túc chấp hành Quy chế này, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của Ban thẩm tra tư cách cổ đông

Ban thẩm tra tư cách cổ đông của Đại hội gồm 02 người do Hội đồng quản trị thành lập, có các chức năng nhiệm vụ sau:

4.1 Kiểm tra tư cách cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự họp;

4.2 Phát cho cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự họp: Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và các tài liệu họp liên quan khác;

4.3 Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự Đại hội trước khi Đại hội chính thức được tiến hành.

Điều 5: Quyền và nghĩa vụ của Đoàn Chủ tịch và Thư ký/Ban thư ký Đại hội

5.1 Đoàn Chủ tịch

a. Đoàn Chủ tịch gồm 05 người là các thành viên trong Hội đồng quản trị đương nhiệm. Chủ tịch HĐQT là Chủ tịch Đoàn và là người chủ trì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (Chủ tọa), có các chức năng nhiệm vụ sau:

- Điều hành các hoạt động của Đại hội theo chương trình đã được Đại hội thông qua. Tiến hành các công việc cần thiết để Đại hội đồng cổ đông diễn ra có trật tự;

- Hướng dẫn các cổ đông và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;
- Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
- Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;
- Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.

b. Quyết định của Đoàn Chủ tịch về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

c. Chủ tọa có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

d. Chủ tọa có quyền hoãn Đại hội đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp nếu nhận thấy rằng:

- Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

- Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp. - Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

e. Đoàn Chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số.

5.2 Thư ký/Ban thư ký Đại hội

- Thư ký/Ban thư ký của Đại hội gồm 02 người do Chủ tịch đại hội cử, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của Đoàn Chủ tịch.

- Thư ký/Ban thư ký Đại hội có nhiệm vụ:

+ Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông/đại diện cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội.

+ Dự thảo Nghị quyết Đại hội và các Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội (nếu có).

+ Các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Đoàn Chủ tịch.

Điều 6: Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu

6.1 Ban kiểm phiếu của Đại hội gồm 03 người do Đoàn Chủ tịch giới thiệu và được Đại hội biểu quyết thông qua.

6.2 Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:

- Hướng dẫn thể thức biểu quyết;

- Giám sát việc biểu quyết của các cổ đông và đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội;

- Tiến hành kiểm phiếu, lập Biên bản kiểm phiếu;

6.3 Trưởng Ban kiểm phiếu báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm phiếu.

6.4 Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của kết quả kiểm phiếu đã công bố.



CHƯƠNG III TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 7: Điều kiện tiến hành Đại hội

Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết theo Danh sách cổ đông của Công ty được lập vào ngày chốt Danh sách cổ đông tham dự Đại Hội.

Điều 8: Thảo luận tại Đại hội

8.1 Nguyên tắc:

- Cổ đông có ý kiến cần trao đổi, làm rõ, đăng ký nội dung vào Phiếu đặt câu hỏi chuyển cho Ban thư ký Đại hội để chuyển Đoàn chủ tịch;
- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong Chương trình Đại hội.

8.2 Trả lời ý kiến thắc mắc của cổ đông

Đoàn chủ tịch hoặc thành viên do Đoàn chủ tịch chỉ định sẽ giải đáp các ý kiến thắc mắc của cổ đông.

Điều 9: Thẻ biểu quyết và thông qua các quyết định tại Đại hội

Mỗi cổ đông được cấp một Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết do Công ty in và đóng dấu kiểm soát. Việc biểu quyết tại Đại hội được thực hiện theo các hình thức sau đây:

9.1 Biểu quyết trực tiếp bằng Thẻ biểu quyết

- Việc biểu quyết trực tiếp bằng Thẻ biểu quyết được áp dụng đối với các vấn đề sau:
 - + Thông qua nhân sự Ban kiểm phiếu;
 - + Thông qua Chương trình Đại hội, Quy chế tổ chức - hoạt động tại Đại hội, Biên bản/Nghị quyết Đại hội;
 - + Các vấn đề khác theo quyết định của Đoàn chủ tịch (nếu có).
- Khi tiến hành biểu quyết, theo sự điều hành của Chủ tọa, các cổ đông biểu quyết tán thành, không tán thành hoặc không có ý kiến lần lượt giơ Thẻ biểu quyết lên cao.
- Theo từng lần biểu quyết, thành viên Ban kiểm phiếu sẽ đánh dấu mã số cổ đông và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông, ghi lại số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến để công bố kết quả kiểm phiếu trước Đại hội.

9.2 Biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu

a. Phiếu biểu quyết được sử dụng để lấy ý kiến biểu quyết đối với các nội dung sau:

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024;
- Báo cáo tài chính năm 2023 đã kiểm toán;
- Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- Báo cáo của Ban kiểm soát;
- Dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2023;
- Quyết toán thù lao cho HĐQT, BKS năm 2023 và kế hoạch thù lao năm 2024;
- Lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2024;

b. Cách thức biểu quyết:

Các nội dung biểu quyết ghi trong Phiếu biểu quyết sẽ được cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết bằng việc lựa chọn phương án *tán thành, không tán thành hoặc không có ý kiến* vào từng nội dung cần thông qua (đánh dấu (X) hoặc (V) vào nội dung biểu quyết)

c. Cách thức bỏ phiếu:

- Việc bỏ phiếu được bắt đầu từ khi có hiệu lệnh của Chủ tọa cuộc họp hoặc Trưởng ban kiểm phiếu và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu vào thùng phiếu hoặc sau 30 phút kể từ thời điểm bắt đầu bỏ phiếu tùy thuộc vào thời điểm nào đến trước. Sau khi kết thúc việc bỏ phiếu, hòm phiếu sẽ được niêm phong và những cổ đông không tham gia bỏ phiếu được coi như không có ý kiến.

- Trường hợp cổ đông trong quá trình bỏ phiếu, ghi Phiếu biểu quyết bị nhầm lẫn với điều kiện chưa bỏ vào thùng phiếu và chưa hết thời hạn bỏ phiếu, được quyền trực tiếp gặp Trưởng Ban kiểm phiếu xin đổi lại Phiếu biểu quyết để đảm bảo quyền lợi của cổ đông.

d. Cách thức kiểm phiếu:

- Việc kiểm phiếu được tiến hành ngay sau khi kết thúc bỏ phiếu.
- Cách thức thực hiện việc kiểm phiếu:
 - + Ban kiểm phiếu làm việc trong 01 phòng/khu vực riêng.
 - + Ban kiểm phiếu được sử dụng các phương tiện kỹ thuật điện tử trong việc kiểm phiếu.
 - + Kiểm tra tính hợp lệ của Phiếu biểu quyết.
 - + Kiểm tra lần lượt từng Phiếu biểu quyết và ghi kết quả kiểm phiếu.
 - + Tính toán và loại bỏ số cổ phần của các cổ đông có liên quan không được quyền biểu quyết (nếu có ở từng nội dung cần biểu quyết).
 - + Niêm phong toàn bộ Phiếu biểu quyết, bàn giao lại cho Chủ tọa.
- Các Phiếu biểu quyết không hợp lệ:
 - + Phiếu không theo mẫu do Ban tổ chức phát ra hoặc không có dấu của Công ty;
 - + Phiếu bị rách, tẩy xóa, sửa chữa;
 - + Phiếu ghi thêm những thông tin khác, thêm ký hiệu;
 - + Phiếu có ghi nhiều ý kiến lựa chọn khác nhau cho cùng một nội dung biểu quyết thì phần biểu quyết đối với nội dung đó không hợp lệ.
 - + Phiếu có tất cả các nội dung biểu quyết không hợp lệ;
 - + Việc biểu quyết đối với từng nội dung cần thông qua trong Phiếu biểu quyết độc lập với nhau, tính hợp lệ của phần biểu quyết nội dung này không làm ảnh hưởng đến tính hợp lệ của các nội dung biểu quyết khác.
- Sau khi kiểm phiếu xong, Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu phải có:
 - + Thời gian, địa điểm tiến hành kiểm phiếu.
 - + Thành phần Ban kiểm phiếu.
 - + Tổng số cổ đông có quyền biểu quyết tham dự họp.



- + Tổng số cổ đông có quyền biểu quyết tham gia bỏ phiếu.
- + Số và tỷ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ.
- + Số và tỷ lệ biểu quyết cho từng vấn đề.
- + Chữ ký của các thành viên Ban kiểm phiếu.

Điều 10: Thông qua Quyết định của Đại hội

10.1 Các vấn đề sau được thông qua khi được số cổ đông đại diện lớn hơn 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận:

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024;
- Báo cáo tài chính năm 2023 đã kiểm toán;
- Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- Báo cáo của Ban kiểm soát;
- Dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2023;
- Quyết toán thù lao cho HĐQT, BKS năm 2023 và kế hoạch, thù lao năm 2024;
- Lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2024;

10.2 Cách thức phản đối/yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong vòng 90 ngày, kể từ ngày biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được công bố, cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp nghị quyết hoặc các quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

- Nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

Điều 11: Biên bản Đại hội

11.1 Nội dung Đại hội được lập thành Biên bản. Chủ tọa và Thư ký chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của Biên bản Đại hội.

11.2 Biên bản Đại hội phải được công bố trước Đại hội và được Đại hội thông qua trước khi bế mạc Đại hội;

11.3 Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được Đại hội thông qua và phải thực hiện công bố thông tin theo quy định.

11.4 Biên bản Đại hội là cơ sở để đưa ra Nghị quyết của Đại hội.

Điều 12: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ kết quả tại Đại hội, Chủ tọa ra Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề đã được Đại hội thông qua. Nghị quyết của Đại hội phải được Đại hội thông qua và phải thực hiện công bố thông tin theo quy định.

Điều 13: Lưu trữ tài liệu:

Nghị quyết, biên bản và các tài liệu khác của Đại hội phải được lưu trữ tại Công ty.

TỜ TRÌNH
Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Sông Đà 10

Căn cứ vào Luật doanh nghiệp;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;

Căn cứ vào nguồn lực và tình hình thực tế của Công ty, Hội đồng quản trị xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 như sau.

I. CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ CHỦ YẾU

TT	Chỉ tiêu	ĐTV	Kế hoạch 2024	
			Tổng cộng	Công ty mẹ
I	Tổng giá trị SXKD	10 ⁶ đồng	1.194.054	985.000
1	Giá trị xây lắp	10 ⁶ đồng	1.134.295	985.000
2	Giá trị SXKD ngoài xây lắp	10 ⁶ đồng	800	
3	Giá trị kinh doanh điện	10 ⁶ đồng	58.959	
II	Kế hoạch tài chính			
1	Doanh thu	10 ⁶ đồng	1.080.029	904.378
2	Nộp nhà nước	10 ⁶ đồng	43.719	26.903
3	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁶ đồng	17.768	15.529
4	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁶ đồng	11.096	9.402
5	Tỷ suất	10 ⁶ đồng		
-	Lợi nhuận cận biên (DT/LN)	%	1,65	1,72
-	LNST/VĐL (Công ty mẹ)	%	2,60	2,20
	LNST/VCSH	%	1,28	1,23
6	Vốn chủ sở hữu	10 ⁶ đồng	814.428	788.798
7	Vốn điều lệ (công ty mẹ)	10 ⁶ đồng	427.324	427.324
8	Hệ số nợ/VCSH	Lần	1,80	1,2

(có Phụ lục chi tiết kèm theo)

II. Các nhiệm vụ trọng tâm

1. Xây dựng các biện pháp cụ thể, tổ chức triển khai thực hiện toàn diện các kế hoạch, đảm bảo hoàn thành kế hoạch SXKD 2024.

2. Tổ chức thi công, các công trình đảm bảo an toàn, đúng tiến độ, chất lượng theo hợp đồng đã ký, trong đó cần tập trung chỉ đạo thi công các công trình trọng điểm như hầm giao thông Sơn Triệu (dự án đường cao tốc Bắc Nam) và hầm EA-Trang 1 (dự án đường cao tốc Bắc Nam đoạn Khánh Hòa – Buôn Ma Thuật), các công trình thủy điện: Nậm Phắc, Đăk Mi 1 và Yali mở rộng.

3. Thực hiện tổ chức sắp xếp lại bộ máy cơ quan Công ty và giải thể một số xí nghiệp cho phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh hiện nay.

4. Thường xuyên rà soát các quy chế, quy định để sửa đổi bổ sung kịp thời cho phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

5. Chỉ đạo Công ty CP Thủy điện Nậm He tổ chức vận hành nhà máy thủy điện Nậm He đúng quy trình, quy định, đảm bảo an toàn cho thiết bị, con người và công trình xây dựng. Tối ưu hóa quá trình vận hành máy móc thiết bị, đồng thời tìm mọi giải pháp để gia tăng sản lượng điện phát ra, đặc biệt là phát điện vào giờ cao điểm, nhằm đạt giá trị sản lượng cao nhất, phấn đấu hoàn thành kế hoạch đề ra.

6. Tiếp tục củng cố xây dựng đội ngũ làm công tác đấu thầu đủ mạnh để tham gia tiếp thị, đấu thầu các công trình theo kế hoạch, chiến lược tiếp thị, đấu thầu.

7. Đầu tư xe máy thiết bị thi công theo đúng quy định của các cấp có thẩm quyền.

8. Trả lương đầy đủ kịp thời cho người lao động. Cân đối trả nợ thuế, BHXH cho cơ quan BHXH để đảm bảo quyền lợi cho người lao động;

9. Tập trung thu vốn và thu hồi công nợ, đặc biệt là công nợ cá nhân và công nợ của các tổ chức, đối tác là chủ đầu tư mà đơn vị trực tiếp tham gia đấu thầu, trúng thầu.

10. Phối hợp thực hiện công tác quyết toán tại công trình XKM3 (phương án vĩnh cửu); XKM1, Huội Quảng; Hòa Na; Lai Châu;...

11. Thu xếp vốn Trả nợ gốc và lãi các Ngân hàng theo lịch biểu. Không để phát sinh nợ quá hạn, nợ xấu. Duy trì và phát triển quan hệ với các tổ chức tín dụng để đảm bảo vốn cho hoạt động SXKD của Công ty với chi phí thấp nhất.

12. Rà soát và giải quyết các kiến nghị của BKS nội bộ TCT Sông Đà, các kiến nghị của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (nếu có), các văn bản chỉ đạo của TCT Sông Đà.

13. Tiếp tục thực hiện công tác thoái vốn khoản đầu tư tài chính vào Công ty CP TĐ Nậm He theo Nghị quyết đã được TCT phê duyệt.

14. Phân tích hiệu quả kinh tế các dự án đã thực hiện trong thời gian qua, đề ra các giải pháp để giải quyết dứt điểm các tồn tại, vướng mắc tại các dự án đã hoàn thành thi công, đồng thời rút kinh nghiệm để giải quyết các vướng mắc tại các dự án đang thi công.

15. Thực hiện tiết kiệm tối đa chi phí sản xuất và quản lý trên cơ sở: định biên nhân sự, sắp xếp lại tổ chức, giảm lực lượng lao động gián tiếp phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh hiện nay của đơn vị, giảm các chi phí xăng xe, điện, nước, văn phòng phẩm...

Trên đây là kế hoạch SXKD năm 2024 của Công ty, kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, thư ký.



Trần Xuân Linh



Phụ lục 01
(kèm theo Tờ trình số 02 /TTr-HĐQT ngày 03/6 /2024 của HĐQT Công ty CP Sông Đà 10)

TT	Các chỉ tiêu chính	ĐTV	Thực hiện 2023						Kế hoạch 2024	
			Hợp nhất		Công ty mẹ		Hợp nhất	Công ty mẹ		
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%)	Kế hoạch			Thực hiện	Tỷ lệ (%)
I	Tổng giá trị SXKD	10⁶ đồng	932.200	764.186	82,0	745.000	734.852	98,60	1.194.054	985.000
1	Giá trị xây lắp	10 ⁶ đồng	868.389	667.472		740.709	688.981		1.134.295	985.000
2	Giá trị SXKD ngoài xây lắp	10 ⁶ đồng	6.691	46.555		4.291	45.872		800	
3	Giá trị kinh doanh điện	10 ⁶ đồng	57.120	50.159					58.959	
II	Kế hoạch tài chính									
1	Doanh thu	10 ⁶ đồng	933.300	709.806	76,10	750.800	683.240	91,0	1.080.029	904.378
2	Nộp nhà nước	10 ⁶ đồng	39.100	32.896	84,10	24.900	21.363	85,8	43.719	26.903
3	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁶ đồng	15.300	3.211	21,00	15.300	19.711	128,80	17.768	15.529
4	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁶ đồng	12.240	-4.977	-40,70	12.240	11.809	96,5	11.096	9.402
5	Tỷ suất	10 ⁶ đồng								
-	Lợi nhuận cận biên	%	1,64	0,45		2,04	2,88		1,65	1,72
-	LNST/VĐL (Công ty mẹ)	%	2,77	-1,16		2,86	2,76		2,60	2,20
	LNST/VCSH	%	1,36	-0,57		1,60	1,54		1,28	1,23
6	Vốn chủ sở hữu	10 ⁶ đồng	826.832	807.574		804.998	797.489		814.428	788.798
7	Vốn điều lệ (công ty mẹ)	10 ⁶ đồng	427.324	427.324		427.324	427.324		427.324	427.324
8	Hệ số nợ/VCSH	Lần	1,8	1,8		1,1	1,2		1,80	1,2



Phụ lục số 02

(kèm theo Tờ trình số 02 /TTr-HĐQT ngày 03/6 /2024 của HĐQT Công ty CP Sông Đà 10)

CHI TIẾT CÁC CÔNG TRÌNH, CÔNG VIỆC

TT	Tên công trình	ĐVT	Kế hoạch 2024
A	Tổng giá trị SXKD Công ty mẹ	10 ³ đ	985.000.000
I	Giá trị xây lắp	10 ³ đ	985.000.000
1	Các công trình đã có HĐ		818.058.783
1.1	Công trình Yaly mở rộng	10 ³ đ	17.004.332
1.2	Hầm Sơn Triệu (DA Cao tốc Bắc Nam)	10 ³ đ	371.497.103
1.3	Công trình đăk mi 1	10 ³ đ	120.944.628
1.4	Công trình thủy điện Nam Phak	10 ³ đ	178.612.720
1.5	Hầm Ea Trang 1 (Cao tốc Bắc Nam đoạn KH-BMT)	10 ³ đ	130.000.000
2	Các công trình dự kiến đấu thầu	10 ³ đ	166.941.217
II	Giá trị ngoài xây lắp	10 ³ đ	
B	Tổng giá trị SXKD Công ty 10.1	10 ³ đ	150.095.166
I	Giá trị xây lắp	10 ³ đ	149.295.166
1	Các công trình đã có HĐ	10 ³ đ	123.195.166
1.1	Thủy điện NamPhak	10 ³ đ	1.494.239
1.2	Hầm Ea Trang 1 (Cao tốc Bắc Nam đoạn KH-BMT)	10 ³ đ	121.700.927
2	Các công trình dự kiến đấu thầu	10 ³ đ	26.100.000
II	Ngoài xây lắp	10 ³ đ	800.000
C	Tổng giá trị SXKD Công ty Nậm He	10 ³ đ	58.959.000
1	Kinh doanh điện	10 ³ đ	58.959.000
	Tổng cộng Tổ hợp (A+B+C)	10 ³ đ	1.194.054.166



CÔNG TY CỔ PHẦN
SÔNG ĐÀ 10

Số: 03 /TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 03 tháng 6 năm 2024

TỜ TRÌNH

Vv Thông qua báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Sông Đà 10

Căn cứ vào Luật doanh nghiệp;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;

Hội đồng quản trị Công ty CP Sông Đà 10 kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 và Báo cáo tài chính riêng năm 2023 của Công ty CP Sông Đà 10 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Các báo cáo tài chính trên đã được công bố thông tin đầy đủ theo quy định, đồng thời được đăng tải trên website của Công ty CP Sông Đà 10: <http://www.songda10.com.vn>.

Để tiện theo dõi, HĐQT kính gửi kèm theo tờ trình này là Bản rút gọn của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY, bao gồm:

- Báo cáo kiểm toán độc lập;
- Bảng cân đối kế toán;
- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, thư ký.



Trần Tuấn Linh

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 10
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2023

CÔNG TY

Tháng 4 năm 2024

Số: 518/2024/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 10
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Sông Đà 10

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 10 (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 08 tháng 4 năm 2024, từ trang 06 đến trang 41 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31/12/2023, khoản tiền đặt cọc theo hợp đồng quyền chọn mua cổ phần ký ngày 16/09/2013 giữa Công ty Cổ phần Sông Đà 10 và Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Thạch B.O.T về việc mua cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả với giá trị 35.000.000.000 đồng (tại ngày 01/01/2023 là 35.000.000.000 đồng). Theo biên bản làm việc về việc thanh lý hợp đồng ngày 17/04/2015, hai bên đồng ý chấm dứt hợp đồng quyền chọn mua cổ phần sau khi được Đại hội cổ đông hai bên thống nhất. Chúng tôi không thu thập được các bằng chứng liên quan đến các đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về khả năng thu hồi khoản đặt cọc này, không xác định được khoản tồn thất (nếu có) vào thời điểm nào cũng như các điều chỉnh cần thiết đối với khoản đặt cọc này trên Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 10.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ" Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 10 tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 33.2 của bản Thuyết minh báo cáo tài chính, các khoản công nợ phải thu khách hàng và chi phí sản xuất dở dang liên quan đến Công trình Thủy điện Xekaman 3 lần lượt là 170.655.338.671 đồng (01/01/2023: 170.655.338.671 đồng) và 12.207.337.000 đồng (tại ngày 01/01/2023: 12.207.337.000 đồng). Đây là các khoản công nợ phải thu và chi phí sản xuất dở dang tồn tại từ nhiều năm trước, các hạng mục dở dang vẫn đang được các bên nghiệm thu, trong năm 2023 các tồn tại này vẫn đang chờ được giải quyết.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề nhấn mạnh này.



Nguyễn Minh Long
Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0666-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 08 tháng 4 năm 2024

Nguyễn Minh Thắng

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 4421-2023-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.461.410.532.274	1.291.555.732.142
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	224.791.676.813	39.432.355.251
Tiền	111		158.791.676.813	39.432.355.251
Các khoản tương đương tiền	112		66.000.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		902.265.731.271	934.244.701.875
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	790.652.396.713	844.643.350.797
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	5.595.616.307	9.701.342.970
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	115.898.388.979	89.562.332.735
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(9.880.670.728)	(9.662.324.627)
Hàng tồn kho	140	12	279.681.373.624	263.486.216.898
Hàng tồn kho	141		279.681.373.624	263.486.216.898
Tài sản ngắn hạn khác	150		54.671.750.566	54.392.458.118
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	494.699.022	61.312.500
Thuế GTGT được khấu trừ	152		54.177.051.544	54.331.145.618
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		280.469.423.091	316.186.517.117
Các khoản phải thu dài hạn	210		78.000.000	37.500.000
Phải thu dài hạn khác	216	8	78.000.000	37.500.000
Tài sản cố định	220		138.545.250.242	158.361.570.797
Tài sản cố định hữu hình	221	13	138.545.250.242	158.361.570.797
- Nguyên giá	222		639.340.714.161	714.795.009.422
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(500.795.463.919)	(556.433.438.625)
Tài sản dở dang dài hạn	240	9	4.080.166.698	1.315.230.000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		4.080.166.698	1.315.230.000
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	94.864.729.267	111.579.233.068
Đầu tư vào công ty con	251		118.357.932.374	118.357.932.374
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		45.906.796.893	62.621.300.694
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(69.400.000.000)	(69.400.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260		42.901.276.884	44.892.983.252
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	42.901.276.884	44.892.983.252
TỔNG TÀI SẢN	270		1.741.879.955.365	1.607.742.249.259

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2023

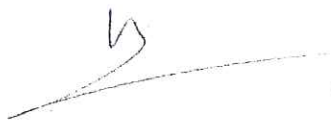
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		944.390.804.020	821.922.193.770
Nợ ngắn hạn	310		863.812.072.151	661.720.322.637
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	254.899.313.225	221.874.438.248
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	283.757.959.884	88.144.904.599
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	13.037.640.762	14.215.310.420
Phải trả người lao động	314		27.882.576.509	27.828.604.289
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	16.326.740.860	19.650.401.926
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	38.062.135.879	42.402.077.002
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	228.663.092.731	245.315.273.852
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.182.612.301	2.289.312.301
Nợ dài hạn	330		80.578.731.869	160.201.871.133
Phải trả dài hạn khác	337	19	14.048.665.013	21.646.072.277
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17	66.530.066.856	138.555.798.856
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		797.489.151.345	785.820.055.489
Vốn chủ sở hữu	410	20	797.489.151.345	785.820.055.489
Vốn góp của chủ sở hữu	411		427.323.110.000	427.323.110.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		427.323.110.000	427.323.110.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		50.066.521.921	50.066.521.921
Quỹ đầu tư phát triển	418		288.722.797.097	288.722.797.097
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		31.376.722.327	19.707.626.471
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		19.567.226.471	15.826.832.265
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		11.809.495.856	3.880.794.206
TỔNG NGUỒN VỐN	440		1.741.879.955.365	1.607.742.249.259


Hà Nội, ngày 08 tháng 4 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Lê Thị Thanh Nhung

Nguyễn Trung Kiên

Nguyễn Tuấn Anh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	681.166.486.289	379.244.348.574
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	2.645.242.353	127.508.349
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		678.521.243.936	379.116.840.225
Giá vốn hàng bán	11	23	581.710.371.888	274.789.788.755
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		96.810.872.048	104.327.051.470
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	954.044.797	122.455.653
Chi phí tài chính	22	25	35.613.199.031	45.736.712.163
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		33.976.987.643	45.361.337.010
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	47.244.078.930	40.961.710.439
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.907.638.884	17.751.084.521
Thu nhập khác	31	27	3.764.305.420	4.658.592.657
Chi phí khác	32	28	(1.039.447.004)	10.885.906.970
Lợi nhuận khác	40		4.803.752.424	(6.227.314.313)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		19.711.391.308	11.523.770.208
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	7.901.895.452	7.642.976.002
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		11.809.495.856	3.880.794.206

Hà Nội, ngày 08 tháng 4 năm 2024

Người lập biểu

Lê Thị Thanh Nhung

Kế toán trưởng

Nguyễn Trung Kiên

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tuấn Anh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	19.711.391.308	11.523.770.208
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSDT	02	21.199.320.555	20.816.951.103
Các khoản dự phòng	03	218.346.101	(2.803.245.615)
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối doái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
(Lãi) hoạt động đầu tư	05	(3.698.116.114)	(4.632.457.156)
Chi phí lãi vay	06	33.976.987.643	45.361.337.010
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	71.407.929.493	70.266.355.550
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	31.874.218.577	464.606.408.575
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(18.960.093.424)	(9.029.039.115)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	211.886.417.675	(244.882.977.218)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.558.319.846	(3.327.250.478)
Tiền lãi vay đã trả	14	(32.993.712.105)	(45.467.935.419)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(8.518.365.294)	(14.105.350.451)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(1.247.100.000)	(1.779.810.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	255.007.614.768	216.280.401.444
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.383.000.000)	(2.785.031.727)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	3.598.315.723	4.560.318.064
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	16.714.503.801	34.283.696.306
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	99.800.391	72.139.092
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	19.029.619.915	36.131.121.735

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		261.860.494.058	247.634.346.000
Tiền trả nợ gốc vay	34		(350.538.407.179)	(478.787.714.525)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(10.642.962.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(88.677.913.121)	(241.796.330.525)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		185.359.321.562	10.615.192.654
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	39.432.355.251	28.817.162.597
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	224.791.676.813	39.432.355.251

Hà Nội, ngày 08 tháng 4 năm 2024

Người lập biểu

Lê Thị Thanh Nhung

Kế toán trưởng

Nguyễn Trung Kiên

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tuấn Anh

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 10
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2023



111 4 4 8 1 1

Tháng 4 năm 2024

Số: 519/2024/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sông Đà 10
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Sông Đà 10

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sông Đà 10 (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 08 tháng 4 năm 2024, từ trang 06 đến trang 45 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31/12/2023, khoản tiền đặt cọc theo hợp đồng quyền chọn mua cổ phần ký ngày 16/09/2013 giữa Công ty Cổ phần Sông Đà 10 và Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Thạch B.O.T về việc mua cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả với giá trị 35.000.000.000 đồng (tại ngày 01/01/2023 là 35.000.000.000 đồng). Theo biên bản làm việc về việc thanh lý hợp đồng ngày 17/04/2015, hai bên đồng ý chấm dứt hợp đồng quyền chọn mua cổ phần sau khi được Đại hội cổ đông hai bên thống nhất. Chúng tôi không thu thập được các bằng chứng liên quan đến các đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về khả năng thu hồi khoản đặt cọc này, không xác định được khoản tổn thất (nếu có) vào thời điểm nào cũng như các điều chỉnh cần thiết đối với khoản đặt cọc này trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sông Đà 10.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp)

Như trình bày tại Thuyết minh số 20, liên quan đến chi phí lãi vay quá hạn phải trả, Công ty TNHH MTV Sông Đà 10.1 chưa ghi nhận lãi vay quá hạn đến 31/12/2023 với giá trị là 41.466.841.999 đồng. Nếu ghi nhận chi phí lãi vay quá hạn thì khoản mục "Chi phí phải trả ngắn hạn" trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tăng 41.466.841.999 đồng và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" giảm 41.466.841.999 đồng. Đồng thời, trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, chỉ tiêu "Chi phí tài chính" sẽ tăng lên 41.466.841.999 đồng và chỉ tiêu "Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh" và "Lợi nhuận sau thuế TNDN" giảm đi tương ứng 41.466.841.999 đồng.

Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ -

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ" Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sông Đà 10 tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 36.2 của bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo, các khoản công nợ phải thu khách hàng và chi phí phí sản xuất dở dang liên quan đến Công trình Thủy điện Xekaman 1 lần lượt là 89.217.872.367 đồng (tại ngày 01/01/2023: 101.155.244.320 đồng) và 78.355.938.094 (tại ngày 01/01/2023: 78.355.938.094 đồng), các khoản công nợ phải thu khách hàng và chi phí phí sản xuất dở dang liên quan đến Công trình Thủy điện Xekaman 3 lần lượt là 170.655.338.671 đồng (tại ngày 01/01/2023: 170.655.338.671 đồng) và 12.207.337.000 đồng (tại ngày 01/01/2023: 12.207.337.000 đồng). Đây là các khoản công nợ phải thu và chi phí phí sản xuất dở dang tồn tại từ nhiều năm trước, các hạng mục dở dang vẫn đang được các bên nghiệm thu, trong năm 2023 các tồn tại này vẫn đang chờ được giải quyết.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề nhấn mạnh này.



Nguyễn Minh Long
Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0666-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 08 tháng 4 năm 2024

Nguyễn Minh Thắng
Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 4421-2023-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31/12/2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.642.260.055.152	1.519.200.534.190
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	235.090.703.549	48.256.169.918
Tiền	111		169.090.703.549	48.256.169.918
Các khoản tương đương tiền	112		66.000.000.000	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	7	5.677.143.755	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		5.677.143.755	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		956.555.113.907	1.032.779.528.717
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	783.988.078.176	868.105.005.831
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	9	7.373.971.279	6.009.798.310
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	10	11.064.522.709	29.064.522.709
Phải thu ngắn hạn khác	136	11	154.747.579.617	130.000.893.640
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	12	(10.448.673.111)	(10.230.327.010)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139	13	9.829.635.237	9.829.635.237
Hàng tồn kho	140	14	380.985.906.506	371.551.633.509
Hàng tồn kho	141		380.985.906.506	371.551.633.509
Tài sản ngắn hạn khác	150		63.951.187.435	66.613.202.046
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	6	1.790.633.023	5.464.393.634
Thuế GTGT được khấu trừ	152		61.935.463.399	60.926.736.515
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	225.091.013	222.071.897
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		646.280.474.738	693.432.393.090
Các khoản phải thu dài hạn	210		78.000.000	77.500.000
Phải thu dài hạn khác	216	11	78.000.000	77.500.000
Tài sản cố định	220		544.442.483.109	587.525.379.144
Tài sản cố định hữu hình	221	15	544.442.483.109	587.525.379.144
- Nguyên giá	222		1.417.109.257.169	1.492.169.916.066
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(872.666.774.060)	(904.644.536.922)
Tài sản dở dang dài hạn	240	5	13.741.917.852	1.315.230.000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		13.741.917.852	1.315.230.000
Đầu tư tài chính dài hạn	250	7	42.906.796.893	59.621.300.694
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		45.906.796.893	62.621.300.694
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260		45.111.276.884	44.892.983.252
Chi phí trả trước dài hạn	261	6	45.111.276.884	44.892.983.252
TỔNG TÀI SẢN	270		2.288.540.529.890	2.212.632.927.280

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		1.485.618.537.858	1.404.593.575.523
Nợ ngắn hạn	310		1.187.259.805.989	1.016.461.704.390
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	245.629.138.736	239.370.005.142
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	283.757.959.884	88.144.904.599
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	19.297.861.743	21.414.310.911
Phải trả người lao động	314		33.832.190.196	30.248.597.181
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	116.985.453.630	107.032.542.987
Phải trả ngắn hạn khác	319	21	118.512.720.459	123.141.151.843
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	367.501.444.730	404.251.355.116
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.743.036.611	2.858.836.611
Nợ dài hạn	330		298.358.731.869	388.131.871.133
Phải trả dài hạn khác	337	21	14.048.665.013	21.646.072.277
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	271.030.066.856	353.205.798.856
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	341		13.280.000.000	13.280.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		802.921.992.032	808.039.351.757
Vốn chủ sở hữu	410	22	802.921.992.032	808.039.351.757
Vốn góp của chủ sở hữu	411		427.323.110.000	427.323.110.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		427.323.110.000	427.323.110.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		50.066.521.921	50.066.521.921
Vốn khác của chủ sở hữu	414		3.901.000.000	3.901.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		396.319.577.252	396.319.577.252
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(63.714.288.944)	(62.500.985.091)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(62.641.385.091)	(46.733.073.255)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(1.072.903.853)	(15.767.911.836)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		(10.973.928.197)	(7.069.872.325)
TỔNG NGUỒN VỐN	440		2.288.540.529.890	2.212.632.927.280

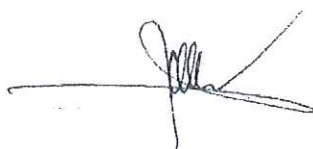
Hà Nội, ngày 08 tháng 4 năm 2024

Người lập



Lê Thị Thanh Nhung

Kế toán trưởng



Nguyễn Trung Kiên

Tổng giám đốc



Nguyễn Tuấn Anh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	705.299.312.356	444.950.338.347
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	2.645.242.353	127.508.349
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		702.654.070.003	444.822.829.998
Giá vốn hàng bán	11	25	582.339.762.308	310.297.476.257
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		120.314.307.695	134.525.353.741
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	3.486.083.028	3.864.472.498
Chi phí tài chính	22	27	71.653.046.756	88.236.254.099
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		69.862.391.440	87.860.878.946
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	53.717.926.824	45.823.494.846
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.570.582.857)	4.330.077.294
Thu nhập khác	31	29	3.781.880.643	4.674.248.881
Chi phí khác	32	30	(1.000.091.262)	11.271.328.455
Lợi nhuận khác	40		4.781.971.905	(6.597.079.574)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.211.389.048	(2.267.002.280)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	8.188.348.773	8.373.672.075
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	5.008.534.309
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(4.976.959.725)	(15.649.208.664)
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(1.072.903.853)	(15.767.911.836)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(3.904.055.872)	118.703.172
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	(28)	(369)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	34	(28)	(369)

Hà Nội, ngày 08 tháng 4 năm 2024

Người lập

Lê Thị Thanh Nhung

Kế toán trưởng

Nguyễn Trung Kiên



Nguyễn Tuấn Anh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	1	3.211.389.048	(2.267.002.280)
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	44.859.532.399	44.525.122.723
Các khoản dự phòng	03	218.346.101	(2.803.245.615)
(Lãi) hoạt động đầu tư	05	(6.166.669.937)	(8.374.474.001)
Chi phí lãi vay	06	69.862.391.440	87.860.878.946
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	111.984.989.051	118.941.279.773
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	56.993.822.709	514.741.244.898
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(21.860.960.849)	(21.352.227.430)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	187.903.457.096	(233.961.535.170)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	3.455.466.979	(6.591.156.349)
Tiền lãi vay đã trả	14	(55.635.712.105)	(67.139.935.419)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(9.252.080.483)	(14.283.278.551)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(1.256.200.000)	(1.779.810.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	272.332.782.398	288.574.581.752
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.776.636.364)	(2.835.494.690)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	3.598.315.723	4.560.318.064
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(5.677.143.755)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	18.000.000.000	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	16.714.503.801	34.283.696.306
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.568.354.214	78.355.636
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	33.427.393.619	36.086.875.316
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ đi vay	33	261.860.494.058	247.634.346.000
Tiền trả nợ gốc vay	34	(380.786.136.444)	(545.550.714.525)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(10.642.962.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(118.925.642.386)	(308.559.330.525)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		186.834.533.631	16.102.126.543
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	48.256.169.918	32.154.043.375
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	235.090.703.549	48.256.169.918

Hà Nội, ngày 08 tháng 4 năm 2024

Người lập

Lê Thị Thanh Nhung

Kế toán trưởng

Nguyễn Trung Kiên

Tổng giám đốc



Nguyễn Tuấn Anh

BÁO CÁO

Tình hình quản trị công ty năm 2023 và phương hướng năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Sông Đà 10

Để đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên 2023 cũng như kiểm điểm tình hình thực hiện nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị (HĐQT) xin gửi tới Đại hội đồng cổ đông báo cáo tình hình quản trị công ty gồm các phần sau:

- Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ năm 2023;
- Hoạt động của HĐQT trong năm 2023;
- Phương hướng hoạt động và nhiệm vụ của HĐQT trong năm 2024.

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHCĐ NĂM 2023

Trong năm 2023 hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là tham gia thi công xây lắp tại các Dự án: thủy điện Nam Phak (Lào); thủy điện Đắc Mi 1 (Quảng Nam); thủy điện Yaly mở rộng (Gia Lai), hầm Sơn Triệu (dự án đường cao tốc Bắc Nam) và hầm EA Trang 1 (thuộc dự án đường cao tốc Bắc nam đoạn Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột).

Kết quả đạt được: hầu hết các công trình Công ty đảm nhiệm thi công đều đạt và vượt tiến độ. Công tác thi công đảm bảo an toàn, đảm bảo chất lượng theo yêu cầu thiết kế, được bạn hàng đánh giá cao. Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu đạt được như sau:

- Doanh thu của công ty mẹ là 683,24 tỷ đồng/750,8 tỷ đồng, đạt 91,0% KH năm. LNTT của công ty mẹ là 19,711 tỷ đồng/15,30 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 128,8% kế hoạch năm; LNST của công ty mẹ là 11,809 tỷ đồng/12,24 tỷ đồng, đạt 96,5% KH năm.

- Doanh thu cả tổ hợp là 709,922 tỷ đồng/933,30 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 76,1%. LNTT của cả tổ hợp là 3,211 tỷ đồng/15,3 tỷ đồng, tỷ lệ 21,0% kế hoạch năm; LNST của tổ hợp là -4,977 tỷ đồng/12,24 tỷ đồng, tỷ lệ -40,7% KH năm.

Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến một số chỉ tiêu chính không đạt kế hoạch là do:

- Tại công trình Đăkmi 1:
 - + Nguyên nhân khách quan: Chủ đầu tư bàn giao mặt bằng thi công chậm không đúng thời điểm như điều khoản Hợp đồng đã ký kết, tiến độ bị giãn sang năm 2024;
 - + Nguyên nhân chủ quan: Công tác thu vốn không đáp ứng yêu cầu, dẫn đến việc cung cấp vật tư cho thi công chưa đáp ứng yêu cầu tiến độ thi công tại công trường (Đặc biệt là việc cung cấp vật liệu nổ).
- Công trình Nam Phak: Chủ đầu tư chậm bàn giao mặt bằng dẫn tới việc triển khai thi công chậm hơn nên thu vốn chậm.
- Công trình Sơn Triệu mới thi công.

Giá trị dở dang là: 245,8 tỷ đồng, tăng 31,9 tỷ đồng so với đầu năm 2023 (dở dang đầu năm là 213,844 tỷ đồng). Nguyên nhân Giá trị dở dang tăng là do:

+ Tại NamPhak: Công tác kiểm tra, xác nhận khối lượng nghiệm thu thanh toán từ phía nhà thầu chính SD5 và CĐT bị chậm theo quy định (khoảng 1,5 tháng).

+ Tại Hàm Sơn Triệu: Dở dang KL đào đá hố móng cửa Bắc hầm Sơn Triệu ước tính 60.000m³ vượt hợp đồng (Tương đương giá trị 10,5 tỷ đồng); Dở dang KL phát sinh vận chuyển đá đào hố móng cửa Bắc hầm Sơn Triệu ra bãi trữ, cự ly 1,267 km ước tính là 118.500m³ (Tương đương giá trị 4,95 tỷ đồng).

Công nợ phải thu còn lớn: Hết năm 2023 là 790,652 tỷ đồng, giảm so với đầu năm 73,802 tỷ đồng (đầu năm là 864,454 tỷ đồng).

II. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2023

1. Hoạt động của HĐQT

Trong năm qua tập thể HĐQT đã bám sát các chỉ tiêu kinh tế mà ĐHĐCĐ đã thông qua để chỉ đạo các mặt hoạt động SXKD Công ty, trong đó bao gồm các nội dung quan trọng như sau:

a) Tổ chức nghiên cứu, xây dựng các báo cáo, kế hoạch để trình cấp có thẩm quyền (kế hoạch năm) hoặc ban hành để Tổng giám đốc triển khai thực hiện (KH quý).

b) Giám sát việc triển khai thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết của HĐQT và tuân thủ các quy định của pháp luật cũng như quy định quản lý nội bộ của Công ty đối với Ban Tổng giám đốc điều hành.

c) Giải quyết, chỉ đạo kịp thời các vấn đề trong hoạt động sản xuất kinh doanh theo chức năng nhiệm vụ và thẩm quyền của HĐQT theo quy định của pháp luật cũng như quy định quản lý nội bộ của Công ty.

2. Thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT

a) Lương, thù lao của Hội đồng quản trị

Theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, tổng mức lương và thù lao năm 2023 của HĐQT, BKS là 816 triệu đồng (lương và thù lao của HĐQT là 732 triệu, thù lao BKS là 84 triệu). Căn cứ kết quả SXKD năm 2023, HĐQT đề xuất ĐHĐCĐ phê duyệt mức thù lao với hệ số hoàn thành kế hoạch K=1,1 (tăng 10% so với kế hoạch), cụ thể: Mức lương, thù lao của HĐQT và BKS là 897,6 triệu đồng (lương và thù lao của HĐQT là 805,2 triệu, thù lao của BKS là 92,4 triệu).

Hiện HĐQT đã trình ĐHĐCĐ thông qua quyết toán lương, thù lao năm 2023 cho HĐQT và BKS. Sau khi có quyết định của ĐHĐCĐ, Công ty sẽ chi trả phần còn lại cho các thành viên HĐQT, BKS vào thời điểm thích hợp.

b) Chi phí hoạt động của HĐQT

Trong năm 2023, chi phí cho các hoạt động chung của HĐQT gồm các chi phí văn phòng, phương tiện đi lại phục vụ cho các hoạt động của HĐQT. Các chi phí này được tính vào chi phí của Công ty theo qui định của pháp luật.

3. Tổng kết các cuộc họp và các quyết định của HĐQT

Trong năm 2023, HĐQT đã tiến hành họp 05 lần, ngoài ra HĐQT đã tổ chức lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản để xem xét các vấn đề thuộc thẩm quyền. Các thành viên HĐQT đều tham gia theo đúng quy và thể hiện trách nhiệm cao đối với vai trò của mình.

Các cuộc họp được tiến hành đúng trình tự và thủ tục, sau mỗi cuộc họp HĐQT đều ban hành các Nghị quyết, Quyết định để Tổng giám đốc triển khai thực hiện, đồng thời Công ty cũng gửi các Nghị quyết và Quyết định đã ban hành cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và đăng lên Website của Công ty theo các qui định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Trong năm qua, HĐQT đã ban hành 54 Nghị quyết và Quyết định để quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Danh sách các nghị quyết, quyết định cũng đã được Công ty công bố trong Báo cáo quản trị công ty theo quy định về công bố thông tin bằng cách gửi Ủy ban chứng khoán, Sở GDCK Hà Nội, đăng tải lên Website của Công ty.

4. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc

Hội đồng quản trị đã kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết của HĐQT đối với Ban Tổng giám đốc. Hàng quý đều tổ chức các cuộc họp và ban hành các Nghị quyết về kế hoạch sản xuất kinh doanh quý và kiểm điểm kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của quý trước. Yêu cầu Tổng giám đốc trình duyệt các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, sau khi được phê duyệt mới triển khai thực hiện.

Đã phối hợp với Ban kiểm soát trong việc kiểm tra định kỳ kết quả sản xuất kinh doanh và việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐQT đối với Tổng giám đốc.

Xét trên các khía cạnh trọng yếu, Hội đồng quản trị chưa thấy có gì bất thường trong công tác điều hành hoạt động SXKD của Tổng giám đốc Công ty trong năm 2023.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRONG NĂM 2024

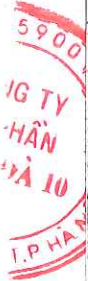
1. Những thuận lợi và khó khăn

a) Thuận lợi

- Nhà nước tiếp tục ưu tiên đặc biệt cho công tác đầu tư phát triển hạ tầng như giao thông, năng lượng, nhiều dự án lớn đã và sẽ được triển khai.
- Chính phủ tiếp tục thông qua và triển khai các gói kích thích kinh tế và hỗ trợ doanh nghiệp trong tình hình mới.
- Thương hiệu và uy tín của Công ty Sông Đà 10 được Chủ đầu tư tin nhiệm qua việc thi công các công trình.
- Năng lực thiết bị thi công đã được Công ty quan tâm và đầu tư phù hợp qua các năm.
- Phần lớn giá trị sản lượng trong năm 2024 của Công ty đều đã có hợp đồng.

b) Khó khăn

- Lực lượng lao động của Công ty đang thiếu hụt và công tác huy động còn khó khăn.
- Công nợ tồn đọng lớn và việc thu hồi rất khó khăn.



- Việc cạnh tranh trên thị trường xây lắp ngày càng gay gắt, cả về giá thành cũng như tiêu chuẩn thi công.

2. Phương hướng hoạt động và nhiệm vụ

Với những thuận lợi, khó khăn và tình hình thực tế của Công ty, HĐQT đề ra phương hướng hoạt động và nhiệm vụ trong năm 2024 như sau:

- a) Tập trung lực lượng hoàn thành các công việc theo các hợp đồng đã ký kết. Cùng cố và nâng cao năng lực thi công, hiệu quả hoạt động quản lý, điều hành;
- b) Đơn đốc và chỉ đạo sát sao việc thu hồi công nợ, nghiệm thu thanh toán và công tác tài chính – tín dụng để đảm bảo cân đối nguồn vốn phục vụ SXKD;
- c) Chỉ đạo công tác tiếp thị, đấu thầu để tìm kiếm đủ việc làm cho những năm tiếp theo. Mục tiêu trong năm 2024 phải ký được các hợp đồng mới với giá trị khoảng 1.500 tỷ đồng;
- d) Thoái vốn tại các doanh nghiệp có hiệu quả kinh doanh kém;
- e) Rà soát bộ máy tổ chức, sắp xếp tinh gọn đảm bảo hiệu quả phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty;
- f) Giám sát Ban Tổng giám đốc trong việc triển khai thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết của HĐQT và tuân thủ các quy định của pháp luật cũng như quy định quản lý nội bộ của Công ty.

Trên đây là báo cáo của HĐQT về tình hình quản trị công ty trong năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ trong năm 2024. Kính đề nghị ĐHĐCĐ xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT.




Trần Tuấn Linh

Số: 03/SD10-BKS

Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2024



BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY

(Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024)

Kính gửi: Quý vị Cổ đông của Công ty CP Sông Đà 10.

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát (BKS) theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát Công ty cổ phần Sông Đà 10 báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 kết quả hoạt động của Ban trong năm 2023 như sau:

I. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023:

1. Cơ cấu của Ban Kiểm soát:

Ban Kiểm soát của Công ty cổ phần Sông Đà 10 gồm 3 thành viên:

- Bà Lê Thị Mai Hương – Trưởng ban kiểm soát không chuyên trách.
- Ông Nguyễn Văn Thanh – Kiểm soát viên kiêm nhiệm
- Bà Vũ Thị Tố Nga – Kiểm soát viên kiêm nhiệm.

2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Năm 2023, BKS đã tiến hành hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Luật DN, Điều lệ Công ty, Quy chế TC&HD của Ban KS. BKS đã lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên; triển khai kiểm tra, giám sát hoạt động của công ty thường xuyên, kết quả cụ thể như sau:

- **Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 362/NQ-DH ngày 29/6/2023.**
- Trên cơ sở thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh của công ty do Hội đồng quản trị (HĐQT), Tổng giám đốc, các phòng chức năng của công ty cung cấp, các thành viên BKS đã thực hiện rà soát lại các quy chế, quy định quản lý nội bộ đã ban hành; xem xét Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.
- Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Hội đồng quản trị (khi được mời);
- Xem xét tính hợp lý các văn bản quản lý nội bộ của Công ty đã ban hành trong năm;
- **Kiểm tra, đánh giá việc quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ SXKD của HĐQT và Ban Tổng giám đốc, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp đối với các hoạt động SXKD của Công ty trong năm 2023;**
- BKS được cung cấp thông tin về các Quyết định của HĐQT, trên cơ sở đó kiểm tra tính hợp pháp của các quyết định trên;
- **Thực hiện thẩm định báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty; báo cáo kiểm toán của Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn UHY;**

Ngũ

Qua một năm hoạt động theo chức năng nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ, BKS đã hoàn thành nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông giao.

II. Kết quả hoạt động của công ty năm 2023:

Trên cơ sở thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành do Công ty cung cấp, các thành viên BKS đã thực hiện các công việc kiểm tra, soát xét và đưa ra nhận xét, đánh giá như sau:

1. Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCD năm 2023:

1.1. Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Năm 2023, Công ty vẫn còn gặp nhiều khó khăn trong công tác thu hồi công nợ và tìm kiếm việc làm, mặc dù vậy, HĐQT và Tổng giám đốc công ty đã nỗ lực chỉ đạo công tác sản xuất kinh doanh, nghiệm thu thanh toán thu hồi công nợ,... và đã đạt được kết quả như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ % HT
1	Giá trị SXKD	Tỷ đồng	745	735	99%
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	750,8	683,2	91%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	15,3	19,7	129%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	12,2	11,8	97%
5	Tỷ suất LN/DT	%	2,0	2,88	142%
6	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	1,5	1,47	98%
7	Tổng tài sản	Tỷ đồng		1.741,8	
8	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	805	797	99%
9	Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu	Lần	1,13	1,18	105%
10	Cổ tức	%	0%	0%	

Các chỉ tiêu về giá trị SXKD và doanh thu không đạt kế hoạch, nguyên nhân do: (i) Chủ đầu tư bàn giao mặt bằng thi công chậm không đúng thời điểm như điều khoản hợp đồng đã ký kết (CT Nậm Phak); CT ĐăkMi 1 giãn tiến độ sang năm 2024; (ii) Cung cấp vật tư cho thi công chưa đáp ứng yêu cầu tiến độ thi công tại công trường do thiếu vốn.

- Riêng chỉ tiêu về lợi nhuận, tỷ suất lợi nhuận đạt kế hoạch năm 2023.

- Trong năm 2023, công ty tích cực tìm kiếm việc làm và đã ký được các hợp đồng mới với giá trị 1.717 tỷ đồng và đạt 172% kế hoạch năm 2023 (1.000 tỷ đồng). Cụ thể: Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam với giá trị phần hầm Sơn Triệu 765 tỷ đồng; DA đường bộ cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột giai đoạn 1 với giá trị 870 tỷ đồng; ký phụ lục hợp đồng TĐ Nậm Phak với giá trị 82 tỷ đồng.

1.2. Kết quả kinh doanh – Quản lý giá thành – Chi phí quản lý:

a) Kết quả kinh doanh

- Doanh thu năm 2023 là 683,22 tỷ đồng và đạt 91% kế hoạch năm; lợi nhuận là 19,7 tỷ đồng và đạt 129% kế hoạch năm. *NHT*

- Lợi nhuận trước thuế là 19,9 tỷ đồng và đạt 129% kế hoạch năm, hoạt động SXKD hoàn thành kế hoạch năm. Một số công trình ghi nhận kết quả lỗ năm 2023: Xekaman 3 lỗ 6,76 tỷ đồng; Hàm Đèo Cả lỗ 2,61 tỷ đồng; TĐ Nậm Chiến lỗ 1,1 tỷ đồng (toàn bộ số lỗ do phân bổ chi phí lãi vay trong kỳ); CT Đăkmi 2 lỗ 7,69 tỷ đồng; CT Đăkmi 1 lỗ 6,52 tỷ đồng...04/06 xí nghiệp báo lỗ gồm Xí nghiệp 10.3 lỗ 16,63 tỷ đồng; Xí nghiệp 10.6 lỗ 5,71 tỷ đồng; Xí nghiệp 10.7 lỗ 7,16 tỷ đồng; Xí nghiệp cơ khí lỗ 0,756 tỷ đồng.

- Đối với hoạt động xây lắp, trong năm 2023 có 20 công trình lỗ với số lỗ là 33,33 tỷ đồng; có 6 công trình (Nậm Emoun, Yaly mở rộng, Hàm Sơn Triệu, Cao tốc Nội Bài Lào Cai, Nậm Theun 1 ghi nhận lãi với số lãi 46,13 tỷ đồng.

b) Chi phí quản lý

Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2023 là 47,244 tỷ đồng chiếm 6,96% doanh thu thuần và tăng 6,28 tỷ đồng so với năm 2022 (40,96 tỷ đồng) và tương ứng mức tăng là 15%.

1.3. Về đầu tư tài chính, đầu tư máy móc thiết bị

a) Tình hình đầu tư tài chính:

- Công ty mẹ đầu tư trực tiếp vào 02 công ty con, 04 công ty khác với giá trị đầu tư đến ngày 31/12/2023 là 164,26 tỷ đồng, trong đó có 03 công ty kinh doanh không hiệu quả. Năm 2023 Công ty TNHH đầu tư BT Cam Lộ Tuý Loan đã hoàn trả góp vốn với số tiền 16,71 tỷ đồng.

- Tại thời điểm 31/12/2023, lũy kế trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư là 69,4 tỷ đồng. Gồm khoản trích lập dự phòng tại CTCP thủy điện Nậm He là 66,4 tỷ đồng/giá trị đầu tư 66,4 tỷ đồng (tỷ lệ trích lập 100% giá trị đầu tư); dự phòng tại CTCP cao su Phú Riềng Kratie 3 tỷ đồng/giá trị đầu tư 3 tỷ đồng (tỷ lệ trích lập 100% giá trị đầu tư).

- Tình hình hoạt động tại 02 công ty con năm 2023:

Tại CTCP Sông Đà 10.1: Tổng doanh thu năm 2023 là 94,19 tỷ đồng; lỗ trong năm là 7,61 tỷ đồng (lỗ CT Xekaman 1 là 9,87 tỷ đồng, CT Đăkmi 2 là 4,04 tỷ đồng, CT Nậm Theun lãi 2,8 tỷ đồng); lỗ lũy kế đến 31/12/2023 là 57,76 tỷ đồng và lỗ vượt 1,23 lần vốn điều lệ (vốn điều lệ là 46,6 tỷ đồng). Dư nợ gốc vay tại thời điểm 31/12/2023 là 115,839 tỷ đồng trong đó nợ quá hạn là 115,83 tỷ đồng (nợ đã trả trong 3 tháng đầu năm 2024 là 37,2 tỷ đồng và dư nợ đến 15/4/2024 là 78,6 tỷ đồng) và lãi vay phải trả là 98,6 tỷ đồng (nợ nhóm 5).

Ngoài ra, Công ty chưa ghi nhận trên sổ sách khoản lãi vay quá hạn phải trả tính đến ngày 31/12/2023 là 41,466 tỷ đồng.

Tại CTCP thủy điện Nậm He: Tổng doanh thu năm 2023 là 46,1 tỷ đồng; lỗ trong năm là 9,17 tỷ đồng; lỗ lũy kế đến 31/12/2023 là 141,37 tỷ đồng và lỗ vượt 1,22 lần vốn điều lệ (vốn điều lệ là 115,5 tỷ đồng); vốn chủ sở hữu âm 25,78 tỷ đồng. Dư nợ vay đến 31/12/2023 là 227,5 tỷ đồng trong đó dư nợ vay quá hạn là 99 tỷ đồng, dư nợ vay được đáo hạn 128,5 tỷ đồng. Trong 3 tháng đầu năm 2024 đã trả nợ vay 6,2 tỷ đồng. Như vậy dư nợ đến 15/4/2024 là 221,3 tỷ đồng trong đó dư nợ vay quá hạn là 95,5 tỷ đồng.

- Tình hình chi trả cổ tức:

Năm 2019 là 4% đã thực hiện chi trả ngày 28/3/2024.

Handwritten signature

... N I
C O N
C O N
O N G
... U LI E N

Năm 2020 là 4% chưa thực hiện chốt danh sách chi trả.

b) Tình hình đầu tư:

- Dự án đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công xây lắp và quản lý SXKD của Công ty: trong năm 2023 công ty đầu tư 6 ô tô vận chuyển đá hầm với giá trị 8,62 tỷ đồng/Kế hoạch là 80 tỷ đồng đạt 10,78%.

- Việc thực hiện đầu tư không đạt kế hoạch do trong năm 2023 lượng máy móc thiết bị sẵn có đáp ứng được tiến độ thi công vì vậy công ty chủ động giãn tiến độ đầu tư.

1.4. Tình hình vay và trả nợ ngân hàng

- Trong năm 2023, số tiền giải ngân là 295,3 tỷ đồng; số tiền trả nợ là 526,4 tỷ đồng.

- Dự nợ vay tại các tổ chức tín dụng đến 31/12/2023 là 295,19 tỷ đồng. Lãi vay tài chính năm 2023 là 33,976 tỷ đồng, trong đó chi phí lãi vay vượt mức khống chế theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP là 12,98 tỷ đồng (chiếm 38,2% tổng chi phí lãi vay).

+ Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn đến 31/12/2023 là 228,66 tỷ đồng (trong đó: vay ngân hàng là 166,37 tỷ đồng; vay dài hạn đến hạn trả là 62,3 tỷ đồng)/tổng hạn mức vay ngắn hạn là 500 tỷ đồng, hiện nay các ngân hàng tiếp tục giảm dư nợ cho vay do tình hình tài chính của công ty không cải thiện (hạn mức ngân hàng hiện tại là 250 tỷ trong đó BIDV là 150 tỷ đồng, và Vietinbank là 100 tỷ đồng).

+ Vay dài hạn đến 31/12/2023 là 66,53 tỷ đồng

+ Dự nợ vay năm 2023 đã giảm đáng kể, tuy nhiên phần lớn dự nợ là các khoản nợ đã được cơ cấu, do đó, vẫn tiềm ẩn rủi ro khi không trả nợ đúng hạn (chuyển nợ xấu).

1.5. Về công tác kế toán và thẩm định báo cáo tài chính năm 2023:

- Công ty đã tuân thủ các yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán trong việc tổ chức công tác kế toán, thực hiện hạch toán kế toán và lập các báo cáo tài chính đầy đủ hàng quý. Các báo cáo tài chính cũng được công bố kịp thời theo qui định hiện hành đối với công ty niêm yết.

- Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán của công ty ngoại trừ ảnh hưởng của khoản tiền đặt cọc mua cổ phần của CTCP Đèo Cả 35 tỷ đồng mang tính trọng yếu có thể dẫn đến phản ánh không chính xác tình hình tài chính và thay đổi kết quả SXKD năm 2023 của Công ty nên Ban Kiểm soát không thống nhất kết quả SXKD năm 2023 và báo cáo tài chính năm 2023.

Tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2023:

(Đvt: vnd)

TT	Chỉ tiêu	31/12/2023	01/01/2023
1	Tổng tài sản	1.741.879.955.365	1.607.742.249.259
	- Tài sản ngắn hạn	1.461.410.532.274	1.291.555.732.142
	- Tài sản dài hạn	280.469.423.091	316.186.517.117
2	Nguồn vốn	1.741.879.955.365	1.607.742.249.259
	- Nợ phải trả	944.390.804.020	821.922.193.770
	- Nguồn vốn chủ sở hữu	797.489.151.345	785.820.055.489

AT

Các chỉ tiêu tài chính năm 2023:

TT	Các chỉ số	Năm 2023	Năm 2022
1	Bố trí cơ cấu vốn		
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	0,54 lần	0,51 lần
	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	1,18 lần	1,05 lần
	Nợ vay ngân hàng/Vốn chủ sở hữu	0,37 lần	0,49 lần
2	Khả năng thanh toán		
	Khả năng thanh toán tổng quát	1,84 lần	1,96 lần
	Khả năng thanh toán hiện hành	1,69 lần	1,95 lần
	Khả năng thanh toán nhanh	1,37 lần	1,55 lần
3	Hiệu suất sử dụng vốn		
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	1,73%	1,02%
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,68%	0,24%
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	2,76%	0,91%
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH	1,48%	0,50%

- So sánh các chỉ tiêu năm 2023 với năm 2022, các chỉ tiêu về bố trí cơ cấu tài sản nguồn vốn điều chỉnh nhẹ.

- Về các chỉ tiêu hiệu quả: Các chỉ số về hiệu quả sử dụng vốn năm 2023 đã tăng so nhẹ so với năm 2022.

- Cổ phiếu Công ty đã bị hủy niêm yết tại HNX từ ngày 24/1/2024 theo Thông báo số 5590/TB-SGDHN ngày 27/12/2023 do có kết quả sản xuất kinh doanh thua lỗ trong 3 năm liên tục. Trước đó, vào cuối tháng 3/2023, HNX đã có thông báo về việc cổ phiếu SDT có khả năng bị hủy bỏ niêm yết do Công ty có kết quả kinh doanh lỗ trong 3 năm liên tục (2020-2022).

Ngày 29/1/2024, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội đã có Quyết định số 47/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu SDT trên sàn Upcom và ngày giao dịch đầu tiên là ngày 05/2/2024. Như vậy tính toán khoản của cổ phiếu SDT sẽ thấp do giá trị cổ phiếu đã giảm, khả năng phục hồi là khó, bởi trên thực tế, vì lỗ lũy kế của công ty lớn do hoạt động SXKD tại công ty còn kém hiệu quả.

1.6. Về giá trị khối lượng dở dang

- Giá trị dở dang đến thời điểm 31/12/2023: 231 tỷ đồng và tăng 30,58 tỷ đồng so với đầu năm. Một số công trình lỗ dở dang: Đăkrinh lỗ 2,06 tỷ đồng; Đăkmi 1 lỗ 3,87 tỷ đồng; Trạm Tàu lỗ 1,62 tỷ đồng; Nậm Cầu lỗ 0,9 tỷ đồng. Đây là khoản lỗ tiềm ẩn sẽ thành hiện thực khi công trình kết thúc.

- Trong năm qua, việc giải quyết các giá trị khối lượng dở dang tồn tại lâu ngày như đã nêu chưa có chuyển biến tích cực, đặc biệt có một số khoản công nợ sẽ chuyển sang lỗ tại một số dự án như: thủy điện Hủa Na; Thủy điện Bản Vẽ. Ngoài ra tại các dự án khác, Xekaman 3, Ngòi hút Vững Áng,.... và một số dự án khác có công nợ kéo dài khó thu hồi.

1.7. Tình hình công nợ và thu hồi vốn

- Tổng công nợ phải thu khách hàng đến 31/12/2023 là 790 tỷ đồng giảm 53,99 tỷ đồng so với đầu năm. Một số công nợ phải thu lớn kéo dài nhiều năm như: CT Xekaman 3 là 170,6 tỷ đồng; CT thủy điện Nậm Chiến là 24,9 tỷ đồng; CT Đèo

Handwritten signature



Cả 71,81 tỷ đồng; CT Nậm Theun 1 là 18,02 tỷ đồng; CT thủy điện Nậm He là 111,62 tỷ đồng; CT Nậm Emoun là 96,87 tỷ đồng. Trong năm 2023, trong năm công ty đã thu hồi được một số công trình đã phát sinh lâu như CT NamTheun 1: 90 tỷ đồng, CT thủy điện Vĩnh Sơn Sông Hình 20 tỷ đồng; CT Cổ Mã 11,3 tỷ đồng; CT Đèo Cả 29 tỷ đồng; CT Thủy điện Dakmi 2: 17 tỷ đồng; CT Xekaman 3 (Hợp đồng 2017): 4,5 tỷ đồng, CT Nậm Chiến 3 tỷ đồng; CT Huội Quảng 3 tỷ đồng,... nên đã có tác động tích cực đến tình hình tài chính của công ty và đảm bảo vốn phục vụ SXKD.

- Tuy nhiên vẫn còn một số khoản công nợ lớn, khó thu và dẫn đến rủi ro tài chính.

- Công nợ tạm ứng đến 31/12/2023 là 9,263 tỷ đồng (riêng Xí nghiệp 10.3 dư tạm ứng 7,878 tỷ đồng) tăng 2,6 tỷ đồng so với đầu năm 9,328 tỷ đồng. Một số khoản tạm ứng lớn trong năm nhưng không có kế hoạch chi như: Ông Hồ Xuân Nam – Phòng Kinh tế tạm ứng chi phí sản xuất (2 lần số tiền là 500 triệu và 700 triệu) dư tạm vay đến 31/12/2023 là 1,155 tỷ đồng; một số cá nhân dư nợ tạm ứng tại Xí nghiệp 10.3 không thay đổi so với năm 2022 (Phạm Thế Duy là 759 triệu đồng; Phạm Văn Hùng là 631 triệu đồng, Phạm Minh Đức là 1,33 tỷ đồng; Nguyễn Văn Bốn 1,861 tỷ đồng; Phạm Văn Tào là 1,029 tỷ đồng...).

Công tác đối chiếu công nợ và lập dự phòng:

- Các khoản nợ phải thu được theo dõi, phân loại theo hạn nợ, tuổi nợ tuy nhiên việc trích lập dự phòng chưa đảm bảo theo quy định.

- Trong năm 2023, Công ty trích lập bổ sung dự phòng số tiền 184,5 triệu đồng.

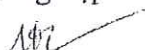
- Tổng số trích lập dự phòng phải thu khó đòi đến 31/12/2023 là 9,88 tỷ đồng. Căn cứ tình hình nợ phải thu quá hạn nêu trên, khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tại thời điểm 31/12/2023 là rất nhỏ so với giá trị cần phải trích lập theo quy định (riêng công nợ phải thu khách hàng TK131 – từ 1 năm đến dưới 2 năm là 132,96 tỷ đồng; từ 2-3 năm là 220,4 tỷ đồng; trên 3 năm là 248 tỷ đồng).

1.9 Tình hình nộp ngân sách

- Thuế phải nộp đến 31/12/2023 là 13,03 tỷ đồng. Đến thời điểm 11/3/2024 số thuế chưa nộp và chậm nộp là 12,48 tỷ đồng; trong đó thuế TNDN là 8,335 tỷ đồng; thuế GTGT là 0,54 tỷ đồng; thuế thu nhập cá nhân là 3,609 tỷ đồng.

- BHXH phải nộp đến 31/12/2023 là 3,511 tỷ đồng, đến thời điểm 11/3/2024, số chậm nộp BHXH là 3,137 tỷ đồng trong năm 2023, ghi nhận vào chi phí số tiền phạt, chậm nộp thuế và chậm nộp BHXH là 2,43 tỷ đồng (riêng chậm nộp BHXH là 1,09 tỷ đồng). Do đó làm giảm kết quả lợi nhuận toàn công ty với số tiền tương ứng.

2. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác:

- Hội đồng quản trị đã tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông kịp thời và linh hoạt. Chủ tịch HĐQT thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra và nắm bắt tình hình các mặt hoạt động của doanh nghiệp và chỉ đạo cụ thể các vấn đề phát sinh, đôi khi chi tiết đến từng vấn đề nhỏ. 

- Các nghị quyết của HĐQT ban hành đúng với chức năng và thẩm quyền của HĐQT và có nội dung phù hợp với chủ trương và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và Điều lệ công ty.
- Trong năm 2023 Hội đồng quản trị đã ban hành 54 nghị quyết và quyết định, trong đó gồm nghị quyết – quyết định trong lĩnh vực đấu thầu mua sắm máy móc thiết bị; lĩnh vực tài chính tín dụng; tổ chức nhân sự; Quy chế nội bộ; đấu thầu nhận thầu thi công và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền HĐQT.
- Công tác điều hành sản xuất mặc dù rất nhiều khó khăn, do thi công dần trải trên nhiều địa bàn nhưng cũng đã kịp thời nhanh chóng, các công trình dự án đều đảm bảo tiến độ, đạt yêu cầu về kỹ thuật;
- Công tác quản lý và hạch toán kế toán tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành của Nhà nước.
- Nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư mặc dù rất khó khăn nhưng cũng đã được đảm bảo. Các khoản vay được Công ty sử dụng đúng mục đích.
- Vấn đề tìm kiếm việc làm được quan tâm nên kết quả công tác tiếp thị, đấu thầu năm 2023 đã đạt được kết quả khả quan.

3. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc công ty

Năm 2023, Ban Kiểm soát được Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc tại điều kiện thuận lợi trong việc cung cấp thông tin về tình hình hoạt động của công ty. Phối hợp chặt chẽ trong công tác quản lý, điều hành và kiểm soát hoạt động SXKD của công ty.

Ban kiểm soát tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị (khi được mời), tham gia ý kiến theo chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát.

III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ:

Năm 2023, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã nỗ lực duy trì sự ổn định, khắc phục những tồn tại và cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 biểu quyết thông qua. Để công ty hoạt động hiệu quả trong năm 2024, Ban Kiểm soát kiến nghị một số vấn đề với Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Công ty như sau:

- Tập trung nguồn lực để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2024.
- Tìm giải pháp để hoàn thành tiến độ tại các công trình theo các hợp đồng đã ký kết, không để xảy ra tranh chấp hợp đồng và phạt tiến độ vì các nguyên nhân chủ quan.
- Xây dựng giải pháp quyết liệt và mạnh mẽ hơn trong việc thu hồi các khoản công nợ khó thu tại một số công trình, công nợ cá nhân.
- Tăng cường công tác nghiệm thu, thanh quyết toán, giảm giá trị dở dang tại các công trình; Kịp thời giải quyết với các Chủ đầu tư và Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc phê duyệt dự toán, quyết toán, các chế độ chính sách liên quan để đảm bảo quyền lợi của Công ty. Tăng cường các biện pháp và thực hiện có hiệu quả việc thu hồi nợ, đặc biệt là các khoản nợ quá hạn lâu ngày.
- Chú trọng công tác thị trường để tìm kiếm việc làm cho năm 2024 và những năm tiếp theo.

- Cân đối vốn để chi trả cổ tức năm 2020.
- Xem xét việc phân loại công nợ và trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với khoản đặt cọc 35 tỷ đồng tại CTCP ĐT Hải Thạch BOT. Việc chưa thực hiện trích lập dự phòng đối với khoản công nợ trên ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của năm hiện hành và các năm tiếp theo.
- Chuẩn bị hồ sơ tài liệu liên quan đến ý kiến ngoại trừ của kiểm toán trong báo cáo tài chính năm 2023 và báo cáo trước cổ đông.
- Tiếp tục tìm kiếm đối tác để thoái vốn tại CTCP TĐ Nậm He, rà soát lại hoạt động của Chi nhánh xí nghiệp hoạt động không hiệu quả đồng thời xây dựng phương án tái cấu trúc.

IV. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BKS NĂM 2024

- Thực hiện chức năng nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ công ty và Luật Doanh nghiệp.
- Triển khai định kỳ công tác thẩm định báo cáo báo cáo tài chính 6 tháng, báo cáo năm;
- Tổ chức kiểm tra giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, việc chấp hành Điều lệ công ty của HĐQT, Ban Tổng giám đốc, các đơn vị trực thuộc và các phòng ban chức năng trong Công ty;
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thường xuyên các hoạt động của Công ty thông qua các quyết định của HĐQT và Ban Tổng giám đốc Công ty.
- Giám sát việc thực hiện các khuyến nghị của Đoàn thanh kiểm tra (nếu có).
- Thực hiện các công việc khác của Ban kiểm soát theo Luật doanh nghiệp.
- Rà soát và hoàn thiện các quy chế quản trị nội bộ của Công ty đảm bảo phù hợp với thực trạng SXKD và những thay đổi của pháp luật chuyên ngành liên quan.

Trên đây là báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả SXKD, hoạt động của BKS năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Các cổ đông (B/c);
- HĐQT, TGD, TV BKS;
- Ban Kiểm soát (lưu).

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Lê Thị Mai Hương

CÔNG TY CỔ PHẦN
SÔNG ĐÀ 10

Số: 05 /TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 03 tháng 6 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc phương án phân phối lợi nhuận năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Sông Đà 10

Căn cứ vào Luật doanh nghiệp;

Căn cứ vào kết quả kinh doanh năm 2023.

Hội đồng quản trị xây dựng phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 như sau:

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Lợi nhuận năm trước chuyển sang	2.474.302.071	
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2023 của Công ty mẹ	11.809.495.856	
3	Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	14.283.797.927	(= 1+2)
4	LN sau thuế năm 2023 trên BC hợp nhất	-1.072.903.853	
5	Tổng LN sau thuế được phân phối năm 2023		
6	Phương án phân phối LN năm 2023	1.000.000.000	
6.1	Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.000.000.000	
6.2	Dự kiến chia cổ tức	0	
	- Vốn điều lệ	427.323.110.000	
	- Tỷ lệ cổ tức	0%	
	- Số tiền chia cổ tức	0	
7	Lợi nhuận còn lại chuyển sang năm sau	13.283.797.927	(=3-6)

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên

- Lưu VT.



Trần Xuân Linh

Số: 06 /TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 03 tháng 6 năm 2024

TỜ TRÌNH
Về việc quyết toán thù lao của HĐQT, BKS năm 2023
và kế hoạch thù lao năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Sông Đà 10

Căn cứ vào Luật doanh nghiệp;

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023;

Căn cứ vào kết quả kinh doanh năm 2023.

Hội đồng quản trị báo cáo và đề nghị ĐHĐCĐ xem xét, thông qua quyết toán tiền lương, thù lao cho HĐQT, BKS năm 2023 và kế hoạch tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2024 như sau:

1. Thù lao của HĐQT, BKS năm 2023

Trong năm 2023, mặc dù một số chỉ tiêu chưa hoàn thành kế hoạch như đã đề ra nhưng tập thể CBCNV của công ty mẹ xuất sắc đã hoàn thành tiến độ, đảm bảo chất lượng thi công các công trình và đặc biệt hoàn thành vượt mức chỉ tiêu lợi nhuận, cụ thể:

- Lợi nhuận trước thuế đạt 19,71/15,30 tỷ đồng đạt 128,8% kế hoạch;
- Lợi nhuận sau thuế đạt: 11,81/12,24 tỷ đồng đạt 96,5% kế hoạch.

Vì vậy, HĐQT đề nghị được quyết toán mức thù lao cho HĐQT, BKS với hệ số hoàn thành K=1,1. Cụ thể, tổng số tiền thù lao của HĐQT, BKS là 303.600.000 đồng. Các mức cụ thể như sau:

- Thù lao thành viên HĐQT (không chuyên trách): 4,4 triệu đồng/tháng.
- Trưởng BKS : 3,3 triệu đồng/tháng.
- Thù lao thành viên BKS : 2,2 triệu đồng/tháng.

2. Kế hoạch thù lao của thành viên HĐQT, BKS năm 2024

Khi hoàn thành kế hoạch SXKD, lợi nhuận thực hiện bằng lợi nhuận kế hoạch năm, tiền lương và thù lao của HĐQT, BKS như sau:

TT	Chức danh	Thù lao (đồng/tháng)
1	Thành viên HĐQT không chuyên trách	4.000.000
2	Trưởng Ban kiểm soát	3.000.000
3	Thành viên Ban kiểm soát	2.000.000

- Thù lao được quyết toán theo quy định của Công ty và Pháp luật khi kết thúc năm tài chính, sau khi có báo cáo tài chính đã được thanh tra hoặc kiểm toán.

- Thời gian áp dụng: từ ngày 01/01/2024.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên

- Lưu VT.



Trần Xuân Linh

CÔNG TY CỔ PHẦN
SÔNG ĐÀ 10

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2024



TỜ TRÌNH

Việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Sông Đà 10

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 14/6/2020;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;
- Các Quyết định của Bộ Tài chính về việc chấp thuận cho doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2024;

Để đảm bảo yêu cầu về chất lượng báo cáo và tiến độ công khai báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty cổ phần Sông Đà 10, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua:

1. Danh sách 05 (năm) Công ty kiểm toán độc lập thuộc danh sách được Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty, bao gồm:

- Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn UHY;
- Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC;
- Công ty TNHH Kiểm toán VACO (VACO);
- Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C;
- Công ty TNHH kiểm toán và kế toán AAC.

2. Ủy quyền cho HĐQT Công ty cổ phần Sông Đà 10 lựa chọn một trong những đơn vị kiểm toán thuộc danh sách trên được Bộ Tài chính, Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2024.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TV BKS;
- Lưu: VP cty, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Lê Thị Mai Hương

DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT
Họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 10

Căn cứ Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán;
Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Sông Đà 10;
Căn cứ vào Biên bản họp số/BB-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua các tờ trình của Hội đồng quản trị về các nội dung sau:

1. Kế hoạch SXKD năm 2024

a. Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu

TT	Chỉ tiêu	ĐTV	Kế hoạch 2024	
			Tổng cộng	Công ty mẹ
I	Tổng giá trị SXKD	10 ⁶ đồng	1.194.054	985.000
1	Giá trị xây lắp	10 ⁶ đồng	1.134.295	985.000
2	Giá trị SXKD ngoài xây lắp	10 ⁶ đồng	800	
3	Giá trị kinh doanh điện	10 ⁶ đồng	58.959	
II	Kế hoạch tài chính			
1	Doanh thu	10 ⁶ đồng	1.080.029	904.378
2	Nộp nhà nước	10 ⁶ đồng	43.719	26,903
3	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁶ đồng	17.768	15.529
4	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁶ đồng	11.096	9.402
5	Tỷ suất	10 ⁶ đồng		
-	Lợi nhuận cận biên (DT/LN)	%	1,65	1,72
-	LNST/VĐL (Công ty mẹ)	%	2,60	2,20
	LNST/VCSH	%	1,28	1,23
6	Vốn chủ sở hữu	10 ⁶ đồng	814.428	788.798
7	Vốn điều lệ (công ty mẹ)	10 ⁶ đồng	427.324	427.324
8	Hệ số nợ/VCSH	Lần	1,80	1,2

b. Các nhiệm vụ trọng tâm

- Xây dựng các biện pháp cụ thể, tổ chức triển khai thực hiện toàn diện các kế hoạch, đảm bảo hoàn thành kế hoạch SXKD 2024.

- Tổ chức thi công các công trình đảm bảo an toàn, đúng tiến độ, chất lượng theo hợp đồng đã ký, trong đó cần tập trung chỉ đạo thi công các công trình trọng điểm như hầm giao thông Sơn Triệu (dự án đường cao tốc Bắc Nam) và hầm EA-Trang 1 (dự án đường cao tốc Bắc Nam đoạn Khánh Hòa – Buôn Ma Thuật), các công trình thủy điện: Nậm Phắc, Đăk Mi 1 và Yali mở rộng.

- Thực hiện tổ chức sắp xếp lại bộ máy cơ quan Công ty và giải thể một số xí nghiệp cho phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh hiện nay.

- Thường xuyên rà soát các quy chế, quy định để sửa đổi bổ sung kịp thời cho phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

- Chỉ đạo Công ty CP Thủy điện Nậm He tổ chức vận hành nhà máy thủy điện Nậm He đúng quy trình, quy định, đảm bảo an toàn cho thiết bị, con người và công trình xây dựng. Tối ưu hóa quá trình vận hành máy móc thiết bị, đồng thời tìm mọi giải pháp để gia tăng sản lượng điện phát ra, đặc biệt là phát điện vào giờ cao điểm, nhằm đạt giá trị sản lượng cao nhất, phần đầu hoàn thành kế hoạch đề ra.

- Tiếp tục củng cố xây dựng đội ngũ làm công tác đấu thầu đủ mạnh để tham gia tiếp thị, đấu thầu các công trình theo kế hoạch, chiến lược tiếp thị, đấu thầu.

- Đầu tư xe máy thiết bị thi công theo đúng quy định của các cấp có thẩm quyền.

- Trả lương đầy đủ kịp thời cho người lao động. Cân đối trả nợ thuế, BHXH cho cơ quan BHXH để đảm bảo quyền lợi cho người lao động;

- Tập trung thu vốn và thu hồi công nợ, đặc biệt là công nợ cá nhân và công nợ của các tổ chức, đối tác là chủ đầu tư mà đơn vị trực tiếp tham gia đấu thầu, trúng thầu.

- Phối hợp thực hiện công tác quyết toán tại công trình XKM3 (phương án vĩnh cửu); XKM1, Huội Quảng; Hủa Na; Lai Châu;...

- Thu xếp vốn Trả nợ gốc và lãi các Ngân hàng theo lịch biểu. Không để phát sinh nợ quá hạn, nợ xấu. Duy trì và phát triển quan hệ với các tổ chức tín dụng để đảm bảo vốn cho hoạt động SXKD của Công ty với chi phí thấp nhất.

- Rà soát và giải quyết các kiến nghị của BKS nội bộ TCT Sông Đà, các kiến nghị của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (nếu có), các văn bản chỉ đạo của TCT Sông Đà.

- Tiếp tục thực hiện công tác thoái vốn khoản đầu tư tài chính vào Công ty CP TĐ Nậm He theo Nghị quyết đã được TCT phê duyệt.

- Phân tích hiệu quả kinh tế các dự án đã thực hiện trong thời gian qua, đề ra các giải pháp để giải quyết dứt điểm các tồn tại, vướng mắc tại các dự án đã hoàn thành thi công, đồng thời rút kinh nghiệm để giải quyết các vướng mắc tại các dự án đang thi công.

- Thực hiện tiết kiệm tối đa chi phí sản xuất và quản lý trên cơ sở: định biên nhân sự, sắp xếp lại tổ chức, giảm lực lượng lao động gián tiếp phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh hiện nay của đơn vị, giảm các chi phí xăng xe, điện, nước, văn phòng phẩm...

(tỷ lệ tán thành: % số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự)



2. Báo cáo tài chính năm 2023 đã kiểm toán

Thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn UHY. Tỷ lệ tán thành: % số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự.

3. Báo cáo của Hội đồng quản trị.

Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị.

(tỷ lệ tán thành: % số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự)

4. Báo cáo của Ban kiểm soát

Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát.

(tỷ lệ tán thành: % số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự)

5. Phân phối lợi nhuận năm 2023

Thông qua tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2023 của Hội đồng quản trị Công ty.

(tỷ lệ tán thành: % số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự)

6. Thù lao của thành viên HĐQT, BKS

Thông qua quyết toán thù lao của thành viên HĐQT, BKS năm 2023 và kế hoạch thù lao năm 2024.

a. Thù lao của thành viên HĐQT, BKS năm 2023

Tổng thù lao của thành viên HĐQT là 303.600.000 đồng. Các mức cụ thể như sau:

- Thù lao thành viên HĐQT: 4,4 triệu đồng/tháng;
- Trưởng BKS: 3,3 triệu đồng/tháng;
- Thù lao thành viên BKS: 2,2 triệu đồng/tháng.

b. Kế hoạch thù lao thành viên HĐQT, BKS năm 2024

Khi hoàn thành kế hoạch SXKD, lợi nhuận thực hiện bằng lợi nhuận kế hoạch năm, thù lao của thành viên HĐQT, BKS như sau:

TT	Chức danh	Lương (đồng/tháng)	Thù lao (đồng/tháng)
1	Thành viên HĐQT không chuyên trách		4.000.000
2	Trưởng Ban kiểm soát		3.000.000
3	Thành viên Ban kiểm soát		2.000.000

- Thù lao được quyết toán theo quy định của Công ty và pháp luật.

- Thời gian áp dụng: từ ngày 01/01/2024.

(tỷ lệ tán thành: % số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự)

c. Lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2024

Phê duyệt danh sách các đơn vị kiểm toán và ủy quyền cho HĐQT lựa chọn một trong số các công ty sau thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024:

- Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn UHY.
- Công ty TNHH Kiểm toán AASC.
- Công ty TNHH Kiểm toán VACO.
- Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C.
- Công ty TNHH kiểm toán và kế toán AAC.

(tỷ lệ tán thành: % số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự)

Điều 2. Điều khoản thi hành

Các ông, bà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc Công ty theo chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung trên theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Các Phó TGD, các phòng/ban, các đơn vị trực thuộc, các công ty con;
- Người CBTT (đề công bố);
- Lưu VT, Thư ký.



TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH
CHỦ TỌA – CHỦ TỊCH HĐQT



Trần Xuân Linh



CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 10 (MÃ CK: SDT)
SÔNG ĐÀ NO. 10 JOINT STOCKS COMPANY



SÔNG ĐÀ 10

THẺ BIỂU QUYẾT

TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2024

MÃ SỐ BQ:

Họ và tên Cổ đông/đại diện cổ đông:.....

.....

Số CP sở hữu:.....;

Số CP được ủy quyền:.....;

Tổng số CP có quyền biểu quyết.....;

Hà Nội, ngày....tháng...năm 2024

CỔ ĐÔNG/ĐẠI DIỆN CỔ CÔNG

(Ký, ghi rõ họ tên)



Hà Nội, ngày tháng năm 2024

PHIẾU BIỂU QUYẾT
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

Họ tên cổ đông:.....Mã cổ đông:.....

Họ tên đại diện cổ đông:

Số phiếu biểu quyết (bằng số cổ phần sở hữu):

Ý kiến biểu quyết (*tích dấu "X" vào ô trống bên phải ý kiến*):

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2024

Tán thành Không tán thành Không có ý kiến

2. Báo cáo tài chính năm 2023 đã kiểm toán

Tán thành Không tán thành Không có ý kiến

3. Báo cáo của Hội đồng quản trị

Tán thành Không tán thành Không có ý kiến

4. Báo cáo của Ban kiểm soát

Tán thành Không tán thành Không có ý kiến

5. Phương án phân phối lợi nhuận 2023

Tán thành Không tán thành Không có ý kiến

6. Thù lao của HĐQT, BKS năm 2023 và kế hoạch năm 2024

Tán thành Không tán thành Không có ý kiến

7. Lựa chọn đơn vị kiểm toán 2024

Tán thành Không tán thành Không có ý kiến

CỔ ĐÔNG/ĐẠI DIỆN CỔ ĐÔNG
(ký, ghi rõ họ tên)